

C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH

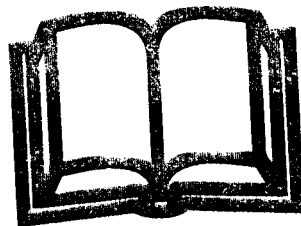
Số 01 Đường Đinh Lễ – P. 12 – Q. 4 – Tp HCM.

Tel: 08. 3512 85 68

Fax: 08. 3512 86 88

haiminhgroup@vnn.vn www.haiminh.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ 1 NĂM 2016
(MÃ CK : HMH)



Tp. HCM ngày 27 tháng 04 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/3/2016	Số dư 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73,150,492,558	67,384,547,540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31,438,493,009	38,046,478,624
1. Tiền	111		3,638,493,009	5,263,441,957
2. Các khoản tương đương tiền	112		27,800,000,000	32,783,036,667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,200,000,000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1,200,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38,028,075,985	27,982,652,836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18,259,345,268	13,100,527,638
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	19,768,730,717	14,882,125,198
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	115,086,637	
Hàng tồn kho	141		115,086,637	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,368,836,927	1,355,416,080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	1,684,698,285	557,488,384
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		684,138,642	797,927,696
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180,825,415,473	181,489,229,369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		997,088,000	997,088,000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	997,088,000	997,088,000
II. Tài sản cố định	220		36,637,774,787	37,102,810,645
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	36,042,310,015	36,503,849,994
Nguyên giá	222		47,756,558,201	48,911,312,583
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-11,714,248,186	-12,407,462,589
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	595,464,772	598,960,651
Nguyên giá	228		601,291,237	601,291,237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-5,826,465	-2,330,586
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			362,000,000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9		362,000,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		142,229,539,451	142,029,539,451
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	110,384,320,000	109,184,320,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	26,045,219,451	26,045,219,451
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5,800,000,000	5,800,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			1,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		961,013,235	997,791,273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	961,013,235	997,791,273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253,975,908,031	248,873,776,909

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/3/2016	Số dư 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13,496,717,745	9,509,612,435
I. Nợ ngắn hạn	310		13,195,196,692	9,205,591,382
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	9,703,322,859	5,122,975,195
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	257,318,748	1,423,239,045
3. Phải trả người lao động	314		592,830,063	7,694,137
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		280,500,000	93,909,090
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	2,133,094,406	2,093,922,111
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		228,130,616	463,851,804
II. Nợ dài hạn	330		301,521,053	304,021,053
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	198,068,000	198,068,000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		103,453,053	105,953,053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240,479,190,286	239,364,164,474
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	240,479,190,286	239,364,164,474
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131,998,470,000	131,998,470,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131,998,470,000</i>	<i>131,998,470,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,850,984,271	5,860,984,271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,614,442,869	6,614,442,869
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,015,293,146	94,890,267,334
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>93,884,128,779</i>	<i>94,890,267,334</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2,131,164,367</i>	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		253,975,908,031	248,873,776,909



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2016

(Có so sánh với số liệu Quý I năm 2015)

MÃU B02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11,567,594,711	16,242,379,405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	11,567,594,711	16,242,379,405
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9,372,712,272	13,990,624,378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,194,882,439	2,251,755,027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	214,172,838	208,419,302
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,355,671	19,824,656
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1,029,003,264	867,814,865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,366,696,342	1,572,534,808
11. Thu nhập khác	31		1,372,727,273	
12. Chi phí khác	32		1,332,041,350	
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	40,685,923	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,407,382,265	1,572,534,808
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	282,356,453	350,014,062
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,125,025,812	1,222,520,746
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1,125,025,812	1,222,520,746
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	85	123
19. Lãi pha loãng trên cổ phiếu	71	VI.9	85	123



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2016

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,407,382,265	47,163,704,088
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1,180,775,962	4,588,892,167
- Các khoản dự phòng	03		-	(375,744,460)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(2,199,245)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(133,035,323)	(38,706,515,954)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2,455,122,904	12,668,136,596
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(9,931,634,095)	1,725,071,207
- Tăng hàng tồn kho	10		(115,086,637)	672,944,748
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5,412,517,602	(1,140,631,697)
- Tăng chi phí trả trước	12		(1,090,431,863)	1,785,843,064
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,482,047,557)	(1,958,037,348)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	129,317,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(235,721,188)	(2,430,246,760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4,987,280,834)	11,452,396,810
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,685,781,454)	(7,466,142,941)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,372,727,273	2,703,636,364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8,150,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	19,597,682,273
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,400,000,000)	(27,200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,000,000,000	1,800,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		92,349,400	15,974,046,088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,620,704,781)	(2,740,778,216)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23,555,018,546
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(14,956,456,910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	8,598,561,636
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6,607,985,615)	17,310,180,230
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38,046,478,624	20,734,099,149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2,199,245
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		31,438,493,009	38,046,478,624



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

NGUYỄN THIỆU HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2016

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý I năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Hải Phòng				

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Số 1, Đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40,00%	40,00%

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 57 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2016 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý I năm 2016.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo do giá trị hàng tồn kho dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,..) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho của Công ty. Tăng và giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5–45
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị văn phòng	3 –8
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Báo cáo.

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 31/3/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Tiền mặt	87.736.639	21.708.364
Tiền gửi ngân hàng	3.550.756.370	5.241.733.593
Các khoản tương đương tiền	27.800.000.000	32.783.036.667
Cộng	<u>31.438.493.009</u>	<u>38.046.478.624</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a) Ngắn hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	1.200.000.000	-
-----------------------------	---------------	---

b) Dài hạn

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	1.000.000.000
----------------------------	---	---------------

Cộng	<u>1.200.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>
-------------	-----------------------------	-----------------------------

3. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	2.692.999.328	2.411.895.646
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	1.285.341.688	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.031.443.100	2.031.443.100
C.ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	1.400.000.000	-
Các khách hàng khác	10.849.561.152	7.450.192.020
Cộng (*)	<u>18.259.345.268</u>	<u>13.100.527.638</u>
(*) Phải thu bên liên quan	7.409.784.116	5.650.335.618

4. Phải thu khác

	<u>Số dư 31/3/2016</u>		<u>Số dư 01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	<u>19.768.730.717</u>	-	<u>14.882.125.198</u>	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	313.067.425	-	184.962.018	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.623.254.549	-	7.623.254.549	-
Phải thu cổ tức	5.279.938.800	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	200.091.666	-	721.530.354	-
b) Phải thu dài hạn khác	<u>997.088.000</u>	-	<u>997.088.000</u>	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ	500.000.000	-	500.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	397.088.000	-	397.088.000	-
Cộng (*)	<u>20.765.818.717</u>	-	<u>15.879.213.198</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Phải thu khác là bên liên quan	<u>13.975.632.826</u>	<u>13.975.632.826</u>
5. Hàng tồn kho		
	Số dư 31/3/2016	Số dư 01/01/2016
Nguyên liệu, vật liệu	97.174.637	-
Công cụ, dụng cụ	17.912.000	-
Cộng	115.086.637	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	115.086.637	-
6. Chi phí trả trước		
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.684.698.285	557.488.384
Công cụ, dụng cụ	1.684.698.285	557.488.384
b) Chi phí trả trước dài hạn	961.013.235	997.791.273
Công cụ, dụng cụ	752.696.842	825.737.425
Chi phí sửa chữa	208.316.393	172.053.848
Cộng	2.645.711.520	1.555.279.657

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2016	14.505.410.057	-	30.180.359.180	172.415.073	4.053.128.273	48.911.312.583
Tăng trong kỳ	-	-	2.047.781.454	-	-	2.047.781.454
Giảm trong kỳ	-	-	3.202.535.836	-	-	3.202.535.836
Số dư 31/03/2016	14.505.410.057	-	29.025.604.798	172.415.073	4.053.128.273	47.756.558.201
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2016	56.222.518	-	10.727.686.720	172.415.073	1.451.138.278	12.407.462.589
Tăng trong kỳ	84.333.777	-	917.531.212	-	175.415.094	1.177.280.083
Giảm trong kỳ	-	-	1.870.494.486	-	-	1.870.494.486
Số dư 31/3/2016	140.556.295	-	9.774.723.446	172.415.073	1.626.553.372	11.714.248.186
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2016	14.449.187.539	-	19.452.672.460	-	2.601.989.995	36.503.849.994
Số dư 31/03/2016	14.364.853.762	-	19.250.881.352	-	2.426.574.901	36.042.310.015
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại 01/01/2016	-	-	3.473.347.572	172.415.073	-	3.645.762.645
Tại 31/03/2016	-	-	3.473.347.572	172.415.073	-	3.645.762.645

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2016	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/03/2016	601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	3.495.879	3.495.879
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/03/2016	5.826.465	5.826.465
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2016	598.960.651	598.960.651
Số dư 31/03/2016	595.464.772	595.464.772

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 31/3/2016	Số dư 01/01/2016
Các công trình khác	-	362.000.000
Cộng	-	362.000.000

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 31/3/2016			Số dư 01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Hàng hải HM	29.819.000.000	-	29.819.000.000	28.619.000.000	-	28.619.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	34.604.120.000	-	34.604.120.000	34.604.120.000	-	34.604.120.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	45.961.200.000	-	45.961.200.000	45.961.200.000	-	45.961.200.000
Cộng	110.384.320.000	-	110.384.320.000	109.184.320.000	-	109.184.320.000
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Kline Việt Nam	18.175.783.651	-	18.175.783.651	18.175.783.651	-	18.175.783.651
Công ty TNHH Dongbu Hai Minh	7.069.435.800	-	7.069.435.800	7.069.435.800	-	7.069.435.800
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000
Cộng	26.045.219.451	-	26.045.219.451	26.045.219.451	-	26.045.219.451

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:*

Tên công ty con	Nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	29.819.000.000	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	34.604.120.000	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	45.961.200.000	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Cộng				110.384.320.000	

Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	25,00%	25%	18.175.783.651	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển. Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Số 1, Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	7.069.435.800	Giao nhận hàng hóa. Dịch vụ tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	800.000.000	
Cộng				26.045.219.451	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	Số dư 31/3/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	17.240.000	17.240.000	17.240.000	17.240.000
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.199.613.533	3.199.613.533	1.977.928.060	1.977.928.060
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	2.818.771.024	2.818.771.024	-	-
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	753.883.404	753.883.404	536.618.487	536.618.487
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	396.850.000	396.850.000	268.800.000	268.800.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	1.560.050	1.560.050	12.078.150	12.078.150
	-	-	-	-
Khách hàng khác	2.515.404.848	2.515.404.848	2.310.310.498	2.310.310.498
Cộng	9.703.322.859	9.703.322.859	5.122.975.195	5.122.975.195
Phải trả người bán bên liên quan	415.650.050		298.118.150	

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/03/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(797.927.696)	171.446.101	-	(626.481.595)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(797.927.696)	171.446.101	-	(626.481.595)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.142.034.057	282.356.453	1.482.047.557	(57.657.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	1.142.034.057	282.356.453	1.482.047.557	(57.657.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	186.806.153	322.095.308	273.562.510	235.338.951
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	186.806.153	322.095.308	273.562.510	235.338.951
Các loại thuế khác	94.398.835	220.919.267	293.338.305	21.979.797
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	94.398.835	217.919.267	290.338.305	21.979.797
Thuế phải nộp	94.398.835	217.919.267	290.338.305	21.979.797
Thuế phải thu	-	-	-	-
Cộng	625.311.349	996.817.129	2.048.948.372	(426.819.894)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán**

Thuế và các khoản phải thu		
Nhà nước (*)	797.927.696	684.138.642
Thuế và các khoản phải nộp		
Nhà nước	<u>1.423.239.045</u>	<u>257.318.748</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

13. Phải trả khác

	Số dư 31/03/2016	Số dư 01/01/2016
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	78.150.230	90.118.730
BHXH	62.894.400	-
BHYT	2.100.000	-
BHTN	934.000	-
Cổ tức đợt 1 năm 2015 phải trả	-	2.463.920
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	599.029.794	555.903.592
Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	383.445.217	383.445.217
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.006.540.765	1.061.990.652
Cộng	<u>2.133.094.406</u>	<u>2.093.922.111</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn	30.000.000	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	28.068.000	28.068.000
Cộng (*)	<u>198.068.000</u>	<u>198.068.000</u>
(*) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan		
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	<u>1.122.475.011</u>	<u>1.079.348.809</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2016
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số dư 01/01/2016	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Số dư 31/3/2016
14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
Quý I năm 2016	138.225.132		(171.269.802)	(33.044.670)
Quỹ khen thưởng	325.626.672		(64.451.386)	261.175.286
Quỹ phúc lợi	463.851.804	-	(235.721.188)	228.130.616

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
15. Vốn chủ sở hữu						
Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước						
Số dư 01/01/2015	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	7.347.867.524	80.358.937.715	189.972.249.409
Tăng vốn	31.998.470.000	2.779.741.555		(733.424.655)	(11.305.566.900)	22.739.220.000
Lợi nhuận năm 2015		(44.273.318)	673.712.109		44.502.295.171	44.502.295.171
Bán cổ phiếu quỹ					-	629.438.791
Trích lập các quỹ					(3.706.477.822)	(3.706.477.822)
Chia cổ tức					(14.958.920.830)	(14.958.920.830)
Điều chỉnh khác		166.037.589	20.322.166		-	186.359.755
Số 31/12/2015	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.614.442.869	94.890.267.334	239.364.164.474
Số dư 01/01/2016	131.998.470.000	5.860.984.271		6.614.442.869	94.890.267.334	239.364.164.474
Tăng vốn						-
Lợi nhuận 3 tháng đầu năm 2016		(10.000.000)			1.125.025.812	1.125.025.812
Giảm khác						(10.000.000)
Số dư 31/03/2016	131.998.470.000	5.850.984.271	-	6.614.442.869	96.015.293.146	240.479.190.286

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2016
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn điều lệ

	Vốn điều lệ theo giấy phép		Số dư 31/3/2016		Số dư 01/01/2016	
	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>
Vốn điều lệ	100.000.000.000	10.000.000	131.998.470.000	13.199.847	131.998.470.000	13.199.847
Cộng	100.000.000.000	10.000.000	131.998.470.000	13.199.847	131.998.470.000	13.199.847

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Tại 31/03/2016</u>	<u>Tại 01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá (VND/ cổ phiếu)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
Dịch vụ vận tải	4.505.894.611	10.472.951.434
Dịch vụ khai thác kho bãi	4.209.941.354	2.818.435.468
Dịch vụ đại lý container	2.648.245.062	2.950.992.503
Cho thuê văn phòng	203.513.684	-
Cộng	<u>11.567.594.711</u>	<u>16.242.379.405</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn – dịch vụ vận tải	4.102.477.816	10.001.129.908
Giá vốn – khai thác kho bãi	3.548.630.313	2.835.560.621
Giá vốn – đại lý container	1.579.901.250	1.153.933.849
Giá vốn – Cho thuê văn phòng	141.702.893	-
Cộng	<u>9.372.712.272</u>	<u>13.990.624.378</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	92.349.400	34.457.142
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.823.438	24.784.078
Đầu tư khác	-	149.178.082
Cộng	<u>214.172.838</u>	<u>208.419.302</u>

4. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.355.671	19.824.656
Cộng	<u>13.355.671</u>	<u>19.824.656</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	534.523.210	362.965.496
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	26.442.249	27.215.909
Chi phí dụng cụ quản lý	16.306.746	6.094.100
Chi phí khấu hao	96.856.551	47.455.720
Thuế phí và lệ phí	5.871.811	5.520.914
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.327.306	380.936.365
Chi phí bằng tiền khác	29.675.391	37.626.361
Cộng	<u>1.029.003.264</u>	<u>867.814.865</u>

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	<u>1.372.727.273</u>	-
Thu nhập khác	<u>1.372.727.273</u>	-
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	<u>1.332.041.350</u>	-
Chi phí khác	<u>1.332.041.350</u>	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>40.685.923</u>	-

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.407.382.265	1.572.534.808
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	4.400.000	18.438.200
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.400.000	18.438.200
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>1.411.782.265</u>	<u>1.590.973.008</u>
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	282.356.453	350.014.062

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	571.809.105	978.981.707
Chi phí nhân viên	2.744.102.764	1.859.496.732
Chi phí khấu hao	1.217.792.974	1.136.908.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.108.266.029	10.156.081.727
Chi phí bằng tiền khác	759.744.664	726.970.893
Cộng	<u>10.401.715.536</u>	<u>14.858.439.243</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*****Giao dịch với bên liên quan***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.272.727.273	-
<i>Mua dịch vụ</i>	5.177.045	-
<i>Lãi cho vay</i>	-	94.931.507
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
<i>Mua dịch vụ</i>	525.500.000	2.070.239.090
<i>Phải trả khác</i>	227.162.729	54.246.575
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.486.911.420	765.302.439
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	574.049.298	554.883.851

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 31/03/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Phải thu	1.400.000.000	-
Phải trả	1.560.050	12.078.150
Phải trả khác	383.445.217	383.445.217
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
Phải thu khác	7.623.254.549	7.623.254.549
Phải trả	396.850.000	268.800.000
Phải trả khác	599.029.794	555.903.592
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Phải thu	2.692.999.328	2.411.895.646
Phải thu khác	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	1.285.341.688	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu	2.031.443.100	2.031.443.100

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Quý I năm 2015</u>
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	<u>396.380.000</u>	<u>370.200.000</u>
Cộng	<u>396.380.000</u>	<u>370.200.000</u>

2. Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ quý 1 năm 2015.

-Lượng hàng hóa thị trường giảm, Ngành Vận tải nội địa đang ngày càng cạnh tranh gay gắt do đó Doanh thu mảng Vận tải nội địa sụt giảm mạnh so với cùng kỳ, mặt khác các chi phí như BHXH, YT, TN, liên quan đến chế độ người lao động tăng do áp dụng chế độ đóng BHXH mới có hiệu lực 01/01/2016, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận quý 1/2016 giảm so với quý 1 năm 2015.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016



NGUYỄN THÈ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

